

Số: 560 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**(Cấp điều chỉnh lần 1)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;  
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;  
Căn cứ Giấy phép môi trường số 1205/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống Miền Nam của Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa;  
Xét Văn bản số 01/2024/TN-PDVN ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa về việc đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống Miền Nam;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 14.73/TTr-STNMT ngày 14 tháng 3 năm 2024,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 1205/GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa có địa chỉ tại lô B20.2, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, chi tiết tại phụ lục kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 1205/GPMT-UBND.

**Điều 2.** Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 1205/GPMT-UBND và các nội dung được điều chỉnh tại Giấy phép môi trường điều chỉnh này.

**Điều 3.** Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 1205/GPMT-UBND hết hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- Cty CP KCN Thành Thành Công;
- LDVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến



**Phụ lục****NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số .....560...../GPMT – UBND  
ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:****1.1 Nguồn phát sinh:**

- Nguồn số 01: khí thải từ hoạt động của lò hơi số 01 công suất 05 tấn hơi/giờ, sử dụng nhiên liệu đốt là biomass (viên nén, trấu ròi, mùn cưa, củi băm, mùn quế, mùn thông).

- Nguồn số 02: khí thải từ hoạt động của lò hơi số 02 công suất 05 tấn hơi/giờ, sử dụng nhiên liệu đốt là biomass (viên nén, trấu ròi, mùn cưa, củi băm, mùn quế, mùn thông).

- Nguồn số 03: khí thải từ hoạt động của lò hơi số 03 công suất 05 tấn hơi/giờ, sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO.

**1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****1.2.1. Vị trí xả khí thải:**

01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải chung của 03 nguồn số 01, 02, 03. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 586 193.63; Y = 1219 406.55 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ );

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

Vị trí xả bụi, khí thải nằm trong khuôn viên của Dự án Nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống Miền Nam tại lô B20.2, đường C3, Khu công nghiệp Thành Thành Công, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**1.2.2 Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.

1.2.3. Phương thức xả khí thải: khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

1.2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số K<sub>p</sub> = 0,9 và K<sub>v</sub> = 1,0, cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	20.000 < P ≤ 100.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Tại mỗi nguồn số 01, 02 lắp đặt hệ thống thu gom khí thải riêng biệt đưa về 01 hệ thống xử lý khí thải chung theo phương án khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số K<sub>p</sub> = 0,9 và K<sub>v</sub> = 1: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thoát ra 01 ống khói cao 18 mét.

- Nguồn số 02: sử dụng nhiên liệu dầu DO để cấp nhiệt vận hành lò hơi; lò có thiết kế cháy hoàn toàn và kèm theo hệ thống kiểm soát khí thải.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ: khí thải → lọc bụi khô quạt hút → lọc bụi ướt → bể lắng → ống khói.

- Công suất thiết kế: 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch hấp thụ là nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ – CP.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98 Nghị



định số 08/2022/NĐ – CP.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý cho nhân viên vận hành hệ thống.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Công ty sẽ ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải, bụi để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục vận hành lò hơi và các máy móc, thiết bị khác để phục vụ sản xuất.

#### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 đến 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý bụi, khí thải cho lò hơi.

##### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

+ Một (01) vị trí tại đường ống dẫn khí trước khi vào hệ thống xử lý khí thải.

+ Một (01) vị trí tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải

##### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

##### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 2 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2



Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ – CP.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

### **C. CÁC YÊU CẦU VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO ĐỐI VỚI NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:**

- Việc giảm tổng công suất hoạt động của lò hơi (từ 20 tấn hơi/giờ xuống còn 15 tấn hơi/giờ) nhưng tăng số lượng lò hơi từ 02 lò lên thành 03 lò nhằm đầu tư phù hợp với tiến độ hoạt động và công suất hoạt động của Dự án, không làm thay đổi công suất sản xuất, không tăng số lượng nhân viên và công nhân.

- Yêu cầu Chi nhánh Tây Ninh Công ty TNHH Paldo ViNa tiếp tục thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này; các nội dung khác của Giấy phép môi trường số 1205/GPMT-UBND ngày 05/6/2023 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.